

Tên: .....

Lớp: S5...

Ngày làm bài: Thứ ....., ngày ..../....

Nghe: .....



## GLOBAL ENGLISH 5

### Unit 4: Special occasions - Vocabulary 1 & KET Listening

#### ❖ Extra vocabulary

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	<b>campsite</b> (n)	khu cắm trại	3	<b>indoor</b> (adj)	trong nhà
2	<b>mostly</b> (adv)	chủ yếu, phần lớn			

❖ **Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; adv = adverb: trạng từ.*

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

#### ❖ Mẹo 1: Gạch dưới từ khóa

Trước khi nghe, hãy đọc kỹ câu hỏi và gạch dưới các từ quan trọng để tập trung khi nghe.

#### 🔍 Ví dụ:

**Câu hỏi:** Where did Frank stay?

Khi nghe, tập trung vào nơi Frank nói rằng cậu ấy **thực sự** ở, tránh bị đánh lạc hướng bởi những chỗ khác cậu ấy muốn ở.

#### ❖ Mẹo 2: Chú ý bẫy trong bài nghe

Trong khi nghe, hãy lưu ý những yếu tố dễ gây hiểu nhầm như:

- **Thông tin bị thay đổi:** Thường có 2–3 mốc thời gian hoặc lựa chọn, nhưng cần nghe kỹ để chọn đáp án đúng.
- **Câu phủ định:** Nếu nghe thấy *can't, don't, not*, hãy loại bỏ thông tin đi kèm ngay sau đó.
- **Từ khóa báo hiệu thay đổi:** Từ như *but, actually, so, in the end* thường xuất hiện ngay trước đáp án đúng.

#### 🔍 Ví dụ:

**Câu hỏi:** Where did Frank stay?

A. at a friend's house

B. at a hotel

**Thông tin gây nhiễu (trap):**

→ “There’s a wonderful hotel...” khiến nhiều bạn vội chọn “at a hotel”.

→ “campsite near the hotel” cũng có thể nhầm.

**Từ khóa báo hiệu thay đổi:**

→ “Unfortunately I couldn’t” và “so” → chuyển hướng thông tin → **không ở khách sạn, mà ở nơi khác.**

**Thông tin thật:** → “my father’s best friend lives there, so we stayed there all the time.”

## CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link sau:

[https://soundcloud.com/ms-chi-english/a2-key-tk\\_test-1\\_part-3](https://soundcloud.com/ms-chi-english/a2-key-tk_test-1_part-3)

### ❖ Pre-listening

You will hear Frank talking about a holiday he had. Match the halves to make 5 common collocations you will hear in the listening about Frank's holiday.

<del>0. have</del>	a. booked
1. fully	b. time
2. spend	c. foreign towns
3. stay	<del>d. a great time</del>
4. visit	e. longer

Your answer:

0 - <u>d</u>	1 - .....	2 - .....	3 - .....	4 - .....
--------------	-----------	-----------	-----------	-----------

### ❖ Listening

#### PART 3 Questions 11-15

For each question, choose the correct answer.

- |   |  |
|---|--|
| <p>11. Where did Frank go?<br/>A. to the mountains<br/>B. to the country</p>          | <p>14. Frank thinks the holiday was<br/>A. great fun.<br/>B. too short.</p>                                |
| <p>12. How long did it take to get there?<br/>A. almost an hour<br/>B. 30 minutes</p> | <p>15. Where's Frank going next year?<br/>A. He'll visit a foreign city.<br/>B. He hasn't decided yet.</p> |
| <p>13. Where did Frank stay?<br/>A. at a friend's house<br/>B. at a hotel</p>         |  |

Tên: .....

Từ vựng & Ngữ pháp: .....

Lớp: S5...

Nghe: .....

Ngày giao bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Mini test: .....

Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ...../.....



## GLOBAL ENGLISH 5

### Unit 4: Special occasions - Vocabulary 1 & KET Listening

#### A. VOCABULARY

##### ❖ Festival and Celebration

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	<b>firework</b> (n)	pháo hoa	8	<b>parade</b> (n)	cuộc diễu hành
2	<b>costume</b> (n)	trang phục, hóa trang	9	<b>symbol</b> (n)	biểu tượng
3	<b>feast</b> (n)	bữa tiệc, lễ hội ăn mừng	10	<b>candle</b> (n)	cây nến
4	<b>decoration</b> (n)	sự trang trí, đồ trang trí	11	<b>blessing</b> (n)	lời chúc phúc
5	<b>decorate</b> (v)	trang trí	12	<b>celebrate</b> (v)	tổ chức, ăn mừng
6	<b>lantern</b> (n)	đèn lồng	13	<b>celebration</b> (n)	lễ kỷ niệm, buổi ăn mừng
7	<b>light</b> (n/v)	ánh sáng/ thắp sáng, đốt sáng			

##### ❖ Extra vocabulary

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	<b>accommodation</b> (n)	chỗ ở, nơi lưu trú	3	<b>dessert</b> (n)	món tráng miệng
2	<b>opportunity</b> (n)	cơ hội	4	<b>cookbook</b> (n)	sách nấu ăn

❖ **Note:** n = noun: danh từ; v = verb: động từ.

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

#### B. HOMEWORK

##### I. Complete the sentences with correct words in the box.

<b>fireworks</b>	<b>light</b>	<b>decorate</b>	<b>blessing</b>	<b>feast</b>	<b>costumes</b>
------------------	--------------	-----------------	-----------------	--------------	-----------------

0. I can see the shining fireworks over there.

1. Atisha tried to ..... the candle on the cake.

2. People in the parade put on colourful .....

3. He wants to ..... the house for his birthday on Friday.

4. The ..... was so exciting that nobody wanted to go home.

5. We ask God's ..... on Anna through this difficult time.

##### II. Read the texts and complete the table with information from the texts.



#### Lantern Festival

The Lantern Festival is celebrated in China. It takes place on the 15th day of the first month in the lunar calendar. It marks the end of the New Year celebration. People hang colorful lanterns and decorate their homes with bright lights and paper decorations. In the evening, families walk together to see the parade of lights and beautiful costumes. Children

hold small candles and make wishes for good blessings. Everyone feels happy and enjoys the beautiful night sky filled with fireworks.

### Tet Festival

The Tet Festival is the most important celebration in Vietnam. It marks the start of the New Year and the arrival of spring. Before Tet, people clean and decorate their houses with flowers and red symbols for luck. On New Year's Eve, families enjoy a big feast with special dishes such as Banh Chung. They light candles, visit relatives, and celebrate together. Everyone gives good blessings to each other for a happy and lucky year.



	Lantern Festival	Tet Festival
Where is the festival celebrated?	(0) <u>In China</u>	(1) .....
What do they mark?	(2) .....	The start of the New Year and spring
What do people decorate their houses with?	Lanterns, lights, and paper decorations	(3) .....
What do people do during the festival?	Walk in parades, watch fireworks, and make wishes	Enjoy a big feast, visit relatives, and light candles
What do people give or say to each other?	Good blessings	(4) .....

5. Which festival do you like more: Lantern Festival or Tet Festival? Why?

→ .....

### III. Write the sentences with the given prompts using PAST SIMPLE.

0. Tom / watch / a movie / last night.

→ Tom watched a movie last night.

1. Sarah / visit / her grandparents / last weekend.

→ .....

2. They / not go / to school / yesterday.

→ .....

3. you / play / football / after class?

→ .....

4. My dad / not cook / dinner / last night.

→ .....

5. Lisa / buy / a new dress / last week?

→ .....

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/a2-key-tk-test-2-part-2>

## Part 2

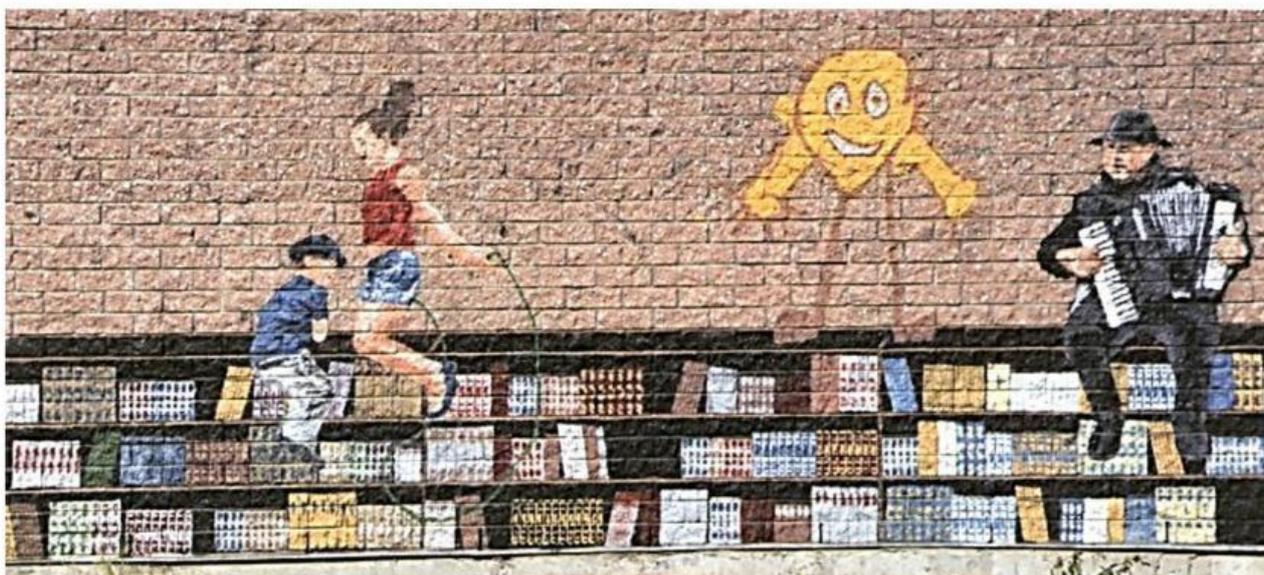
### Questions 6 - 10

For each question, write the correct answer in the gap. Write **one word** or a **number** or a **date** or a **time**.

You will hear a teacher telling her students about a week at the Arts Centre they take part in.

#### THE ARTS CENTRE

Centre open:	<i>July to September</i>
One week starting on:	(6) _____ July
Afternoon activities:	(7) _____, photography
Students age:	(8) 11-_____
Weekend activities:	(9) trips and _____
Cost:	(10) £ _____



Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/a2-key-tk-test-2-part-3>

❖ Pre-listening

You will hear Adam talking about a cooking class he did. Match the halves to make 5 common collocations you will hear in the listening about Adam's cooking class.

0. <del>learn how to</del>	a. dishes
1. spend	b. a kitchen
2. make	c. a meal
3. be in	<del>d. cook</del>
4. try to make	e. the day

Your answer:

0 - <u>d</u>	1 - .....	2 - .....	3 - .....	4 - .....
--------------	-----------	-----------	-----------	-----------

❖ Listening

PART 3 Questions 11-15

For each question, choose the correct answer.

- |   |   |
|---|---|
| <p>11. Why did Adam enjoy doing the cooking course?<br/>A. He wants to be a chef.<br/>B. He enjoys eating.</p>          | <p>14. How many students were there?<br/>A. 13<br/>B. 14</p>  |
| <p>12. How long did the class last?<br/>A. 30 minutes<br/>B. 1 day</p>  | <p>15. Next month Adam will probably<br/>A. Learn to make vegetarian dishes.<br/>B. Try to invent a new dish.</p> |
| <p>13. What did Adam learn at the course?<br/>A. How to make dishes with simple foods<br/>B. How to mix ingredients</p> |   |